

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định nội bộ của cơ quan chủ quản về Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư; nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư của dự án: Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về việc quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB);

Căn cứ Quyết định số 1624/QĐ-TTg ngày 25/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải” do WB tài trợ;

Căn cứ Hiệp định Tín dụng số 6027-VN và Hiệp định Vay số 8745-VN ký ngày 27/10/2017 giữa Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA) và Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế (IBRD);

Căn cứ Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 22/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về chủ trương vay vốn Ngân hàng Thế giới để thực hiện Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về việc bổ sung Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 22/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về chủ trương vay vốn của Ngân hàng Thế giới để thực hiện Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ khoản 3, Điều 47 Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, theo đó: Trường hợp thực sự cần thiết sử dụng vốn dư để phát huy hiệu quả và không dẫn đến thay đổi mục tiêu chính tại Quyết định chủ trương đầu tư của chương trình, dự án đang thực hiện: Cơ quan chủ quản phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và nhà tài trợ nước ngoài xác định hiệu quả, sự cần thiết để quyết định việc sử dụng vốn dư;

Theo Thư ngày 15/01/2021 của Bà Carolyn Turk - Giám đốc quốc gia Ngân hàng Thế giới - Khu vực Đông Á và Thái Bình Dương đã thống nhất về mặt kỹ thuật đối với các hạng mục xây dựng bổ sung, sử dụng từ nguồn vốn kết dư của Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải;

Căn cứ Văn bản số 1721/BKHĐT-KTĐN ngày 29/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sử dụng vốn vay dư Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Văn bản số 3152/BTC-QLN ngày 29/3/2021 của Bộ Tài chính về việc sử dụng vốn vay dư Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Văn bản số 2070/BKHĐT-KTĐN ngày 13/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sử dụng vốn vay dư Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Bình Minh tại Văn bản số 2709/VPCP-QHQT ngày 22/4/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc sử dụng vốn dư của Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Bình Minh tại Văn bản số 2395/VPCP-QHQT ngày 06/4/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc sử dụng vốn dư của Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Thực hiện các Văn bản nêu trên của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về việc tham gia góp ý sử dụng vốn vay dư Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn; UBND tỉnh Bình Định đã tập trung rà soát tình hình thực hiện dự án, rà soát các chi phí đầu tư, xác định kinh phí đầu tư thực tế của các hạng mục đầu tư theo Hiệp định, xác định kinh phí vốn dư.

Căn cứ Biên bản ghi nhớ chuyến giám sát số 6 của Đoàn công tác Ngân hàng Thế giới tại Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn từ ngày 10-12/5/2021.

UBND tỉnh Bình Định đã tổ chức thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ chương đầu tư; nguồn vốn và khả năng cân đối vốn và báo cáo kết quả thẩm định như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình.

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ THẨM ĐỊNH

Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về việc quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải” vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Quyết định số 1624/QĐ-TTg ngày 25/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải” do WB tài trợ;

Hiệp định Tín dụng số 6027-VN và Hiệp định Vay số 8745-VN ký ngày 27/10/2017 giữa Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA) và Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế (IBRD);

Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 22/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về chủ trương vay vốn Ngân hàng Thế giới để thực hiện Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về việc bổ sung Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 22/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về chủ trương vay vốn của Ngân hàng Thế giới để thực hiện Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Thư ngày 15/01/2021 của Bà Carolyn Turk - Giám đốc quốc gia tại Việt Nam - Khu vực Đông Á và Thái Bình Dương của Ngân hàng Thế giới về việc thống nhất về mặt kỹ thuật đối với các hạng mục xây dựng bổ sung, sử dụng từ nguồn vốn kết dư của Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải;

Văn bản số 1721/BKHĐT-KTĐN ngày 29/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sử dụng vốn vay dự Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Văn bản số 3152/BTC-QLN ngày 29/3/2021 của Bộ Tài chính về việc sử dụng vốn vay dư Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Văn bản số 2395/VPCP-QHQT ngày 06/4/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc sử dụng vốn dư của Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Văn bản số 2070/BKHĐT-KTĐN ngày 13/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sử dụng vốn vay dư Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Văn bản số 2709/VPCP-QHQT ngày 22/4/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc sử dụng vốn dư của Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Quyết định số 5339/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương năm 2021; Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 06/5/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh kế hoạch vốn nước ngoài nguồn Trung ương năm 2021;

Biên bản ghi nhớ chuyên giám sát số 6 của Đoàn công tác Ngân hàng Thế giới tại Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn từ ngày 10-12/5/2021;

Báo cáo số 373/SKHĐT ngày 28/5/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định về Kết quả thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Báo cáo điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn do Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh lập.

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH:

1. Đơn vị chủ trì thẩm định: UBND tỉnh tổ chức, chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định thực hiện thẩm định và có Báo cáo số 373/BC-SKHĐT ngày 28/5/2021.

2. Đơn vị phối hợp thẩm định: Các sở ban, ngành liên quan.

3. Hình thức thẩm định: Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản.

Phần thứ hai

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

I. MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

1. Tên dự án: Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn.

2. Dự án nhóm: Nhóm B.

3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định; địa chỉ: Số 01 Trần Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bình Định.

5. Nhà tài trợ: Ngân hàng Thế giới (WB).

6. Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

7. Quy mô dự án:

Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dự án tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 và UBND tỉnh Bình Định phê duyệt dự án đầu tư tại các Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 và số 979/QĐ-UBND ngày 27/3/2018. Dự án có tổng mức đầu tư là 55.304.089 USD, trong đó: Vốn nước ngoài (ODA) là 50.083.278 USD; vốn đối ứng là 5.220.811 USD. Bao gồm các hạng mục như sau:

a) Hợp phần 1: Mở rộng hạ tầng vệ sinh

- Cải tạo kênh Phú Hòa bằng tuyến cống hộp đôi (*đoạn từ đường Trần Văn Kỳ đến đường Điện Biên Phủ*). Xây dựng tuyến cống bao thu gom nước thải phát sinh từ các hộ dân phía bờ Bắc tuyến cống hộp sau đó dẫn sang hố ga hoặc giếng tách của cống bao DN630mm hiện có phía bờ Nam tự chảy về trạm bơm PS5.

- Cải tạo tuyến cống hiện trạng phía thượng lưu hồ Bàu Sen (*đoạn từ đường Võ Văn Dũng đến hồ Bàu Sen*).

- Xây dựng mới mạng cống thoát nước khu vực Hốc Bà Bép.

- Xây dựng tuyến cống đường Trần Hưng Đạo (*từ hẻm 1149 đến đường Trần Quốc Toản*).

- Xây dựng tuyến cống đường Bạch Đằng (*từ ngã ba Đoàn Thị Điểm – Trần Hưng Đạo đến điểm cuối tại Ngã tư Phan Đình Phùng – Bạch Đằng*).

- Xây dựng hệ thống cống cấp ba: Chiều dài 28,854 km đầu nối vệ sinh hộ gia đình, tăng khả năng thu gom và xử lý hiệu quả. Khu vực thu gom bao gồm các tuyến khu vực trung tâm thành phố và khu vực phường Trần Quang Diệu nhằm đưa hết nước thải về Nhà máy Nhơn Bình và Nhà máy Bàu Lác để xử lý.

- Xây dựng nâng công suất Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình từ 14.000m³/ng.đ lên 28.000 m³/ngđ (bao gồm Hệ thống xử lý bùn và Hệ thống xử lý mùi).

- Xây dựng mở rộng bãi rác Long Mỹ rộng 8,52ha và Xây dựng nâng cấp trạm xử lý nước rỉ rác nhằm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật xử lý nước rỉ rác trước khi bơm đến Nhà máy XLNT 2A.

- Xây dựng 12 nhà vệ sinh của các trường tiểu học và trung học cơ sở còn lại trên địa bàn thành phố Quy Nhơn nhằm cải thiện điều kiện vệ sinh, nâng cao sức khỏe và ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh và cộng đồng.

- Xây dựng lắp đặt hệ thống SCADA: Xây dựng lắp đặt hệ thống SCADA nội bộ cho các trạm bơm nước thải, Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình, Bàu Lác và trạm xử lý nước rỉ rác để phù hợp với việc khai thác vận hành và quản lý. Xây dựng hệ thống SCADA tổng thể các hạng mục của Dự án phục vụ công tác điều khiển, giám sát, lưu trữ dữ liệu.

b) Hợp phần 2: Cải thiện kết nối đô thị

Xây dựng Cầu chữ Y và Cầu Huỳnh Tấn Phát nhằm mục đích rút ngắn được thời gian di chuyển của người dân trong khu vực hưởng lợi đến trung tâm thành phố, tăng cường khả năng kết nối các khu vực dân cư.

c) Hợp phần 3: Bồi thường và giải phóng mặt bằng

Dự án có hai hợp phần gây tác động đến thu hồi đất và tái định cư bao gồm: Hợp phần 1: Mở rộng bãi rác Long Mỹ và xây dựng nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình và Hợp phần 2: Xây dựng cầu Chữ Y và cầu Huỳnh Tấn Phát.

d) Hợp phần 4: Hỗ trợ thực hiện và cải cách thể chế dịch vụ công ích

- Hỗ trợ cải cách thể chế nhằm phát huy hiệu quả trong quá trình vận hành và đảm bảo tính bền vững của dự án;

- Tăng cường năng lực cho các Ban Quản lý dự án, các cơ quan quản lý; triển khai các chương trình truyền thông cộng đồng nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân trong vùng dự án;

- Xây dựng quy trình, cơ chế phối hợp quản lý và thực hiện giữa các cơ quan quản lý và chủ sở hữu,... học tập kinh nghiệm quản lý môi trường, giám sát các đơn vị cung cấp dịch vụ công ích...

- Hỗ trợ thực hiện dự án thông qua các gói thầu chuyên gia cao cấp quốc tế về quản lý hợp đồng, về cơ điện, tư vấn giám sát, tư vấn độc lập về giám sát an toàn xã hội - tái định cư, giám sát môi trường, kiểm toán, tư vấn độc lập hỗ trợ kỹ thuật, đánh giá hoàn thành dự án theo các quy định của Ngân hàng Thế giới và các gói thầu tư vấn thẩm tra, thẩm định, kiểm định, quản lý khác theo quy định của Chính phủ.

8. Tổng mức đầu tư: 55.304.089 USD (Năm mươi lăm triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn, không trăm tám mươi chín Đô la)

DVT: USD

TT	Nội dung công việc	Kinh phí đầu tư đã phê duyệt theo Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh	Kinh phí đầu tư đã phê duyệt điều chỉnh, bổ sung theo Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh
1	Hợp phần 1: Mở rộng hạ tầng vệ sinh	33.418.536	34.059.228
2	Hợp phần 2: Cải thiện kết nối đô thị	3.456.160	3.456.160
3	Hợp phần 3: Bồi thường và giải phóng mặt bằng	564.399	564.399
4	Hợp phần 4: Hỗ trợ thực hiện và cải cách thể chế dịch vụ công ích	3.497.712	3.480.553

5	Dự phòng trượt giá và phát sinh khối lượng	8.130.922	8.255.628
6	Thuế VAT (10%)	4.850.333	4.925.156
7	Chi phí lãi vay trong quá trình xây dựng và phí lãi vay	1.386.027	562.965
	Tổng cộng	55.304.089	55.304.089

4. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ODA và Vốn đối ứng:

- Vốn ODA: 50.083.278 USD bao gồm:
 - . Vốn IDA: 44.958.182 USD
 - . Vốn IBRD: 5.125.096 USD
- Vốn đối ứng: 5.220.811 USD

5. Cơ chế vay vốn:

- Vốn IDA: Tỉnh vay lại 30%, Ngân sách Trung ương cấp phát 70%. Thời gian đáo hạn 25 năm, ân hạn 05 năm;
- Vốn IBRD: Tỉnh vay lại 100%, Thời gian đáo hạn 29 năm, ân hạn 10 năm;
- Vốn đối ứng: Ngân sách địa phương (Ngân sách tỉnh chiếm 60%, Ngân sách thành phố Quy Nhơn chiếm 40%).

6. Thời gian thực hiện: 05 năm, từ tháng 01/2018 - 31/12/2022.

7. Thời gian giải ngân: Ngày 30/4/2023.

8. Kết quả thực hiện của dự án đã được phê duyệt ban đầu và xác định vốn dự:

a) Các hạng mục xây dựng của dự án đã được phê duyệt và triển khai như sau:

- Bốn (4) hợp đồng tư vấn đã ký kết kịp thời, bao gồm tư vấn thiết kế giai đoạn 2 (QN-1.21), Tư vấn giám sát xây dựng (QN-1.22), Tư vấn Giám sát an toàn môi trường và xã hội (QN-1.25) và Tư vấn kiểm toán độc lập giai đoạn 1 (QN-1.27): đã thực hiện giải ngân, thanh toán cho Tư vấn.

- Chín (9) hợp đồng xây lắp đã ký kết (QN-1.1, QN-1.2, QN-1.3, QN-2.1 và QN-1.2A, QN-1.4, QN-1.5, QN-1.6A và QN-1.8) đã thực hiện giải ngân, thanh toán cho các Nhà thầu. Tiến độ thực hiện cơ bản các gói thầu đáp ứng yêu cầu, cụ thể:

+ Hợp đồng QN-2.1 (Xây dựng hai cầu chữ Y và cầu Huỳnh Tấn Phát): Giá trị hợp đồng là 58.971.253.000 đồng. Giá trị khối lượng đã thực hiện là 42,7 tỷ đồng (72,5% giá trị hợp đồng). Thời gian dự kiến hoàn thành tháng 7/2021.

+ Hợp đồng QN-1.1 (Xây dựng công hợp thay thế kênh hở Phú Hòa): Giá trị hợp đồng là 48.067.552.000 đồng. Ngày ký hợp đồng: 02/8/2019. Giá trị khối lượng đã thực hiện là 39,72 tỷ đồng (82,63% giá trị hợp đồng). Thời gian dự kiến hoàn thành tháng 7/2021.

+ Hợp đồng QN-1.2 (Xây dựng cụm xử lý nước rỉ rác Long Mỹ công suất 400 m³/ng.đ): Giá trị hợp đồng là 49.025.089.000 đồng. Ngày ký hợp đồng: 02/8/2019. Giá trị khối lượng đã thực hiện là 39,0 tỷ đồng (79,5% giá trị hợp đồng). Thời gian dự kiến hoàn thành tháng 7/2021.

+ Hợp đồng QN-1.2A (Trạm biến áp và đường dây trung thế cho Trạm xử lý nước rỉ rác Long Mỹ): Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng với giá trị khối lượng hoàn thành công trình là 1,345 tỷ đồng và đã ban hành chứng nhận hoàn thành công trình trong tháng 12/2020.

+ Hợp đồng QN-1.3 (Xây dựng nhà vệ sinh trường học): Đã hoàn thành bàn giao đưa công trình vào sử dụng từ ngày 31/12/2019 và Hoàn thành công tác thanh quyết toán công trình trong tháng 6/2020. Giá trị khối lượng hoàn thành công trình và đã giải ngân là 11,66 tỷ đồng (100% giá trị hợp đồng).

+ Hợp đồng QN-1.4 (Cải tạo cống chung thoát nước thượng lưu hồ Bàu Sen và đường Bạch Đằng): Giá trị Hợp đồng là 19.846.503.000 đồng. Ngày ký hợp đồng: 15/8/2020. Giá trị khối lượng đã thực hiện là 3,4 tỷ đồng (17,13% giá trị hợp đồng). Thời gian dự kiến hoàn thành tháng 9/2021.

+ Hợp đồng QN-1.5 (Xây dựng các tuyến cống hộp tại khu vực Hóc Bà Bép): Giá trị Hợp đồng là 33.910.895.000 đồng. Ngày ký hợp đồng: 18/9/2020. Giá trị khối lượng đã thực hiện 0,52 tỷ đồng (1,7% giá trị hợp đồng). Thời gian dự kiến hoàn thành tháng 9/2022.

+ Hợp đồng QN-1.6A (Xây dựng các tuyến cống cấp 3 – ưu tiên 1): Giá trị Hợp đồng là 17.123.064.000 đồng. Ngày ký hợp đồng: 15/10/2020; đang triển khai thi công mạng cấp 3 và cống hộp đúc sẵn 400x400. Thời gian dự kiến hoàn thành tháng 4/2022.

+ Hợp đồng QN-1.8 (Xây dựng mở rộng khu chôn lấp chất thải rắn Long Mỹ): Giá trị Hợp đồng: 51.081.940.000 đồng. Ngày ký hợp đồng: 30/9/2020. Đã bàn giao mặt bằng và triển khai thi công vào ngày 20/01/2021. Thời gian dự kiến hoàn thành tháng 11/2022.

- Đến nay các Hợp đồng Tư vấn và Xây lắp của dự án đã lựa chọn được đơn vị thực hiện; hiện nay chỉ còn các gói thầu như sau:

+ Gói thầu QN-1.11 (Cung cấp và lắp đặt thiết bị tự động hóa, khử mùi và thiết bị vận hành cho các trạm bơm và nhà máy XLNT) phát hành Hồ sơ mời thầu vào tháng 4/2021.

- Gói thầu QN-1.7: (Mở rộng Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình): Ban QLDA đã gửi Báo cáo đánh giá kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu cho WB để cho ý kiến chấp thuận, triển khai công tác ký kết hợp đồng xây lắp trong tháng 6/2021. Thời gian hoàn thành hợp đồng vào tháng 9/2022.

- Gói thầu QN-1.6B: Xây dựng mạng cống cấp 3 (ưu tiên 2) của dự án: Hồ sơ thiết kế dự toán đang triển khai công tác mời thầu và dự ký kết hợp đồng xây lắp trong tháng 7/2021. Thời gian hoàn thành hợp đồng vào tháng 9/2022.

b) Kinh phí thực hiện và xác định vốn dự:

Qua kiểm tra, rà soát các gói thầu đang thực hiện của Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn, **kinh phí thực hiện của dự án là 26,840 triệu USD.**

ĐVT: USD

TT	Chi phí	Tổng mức đầu tư theo Hiệp định (PAD)	Kết quả thực hiện	Vốn dư theo PAD
1	2	3	4	5=3-4
1	Vốn ODA	50.083.278	23.632.693	26.450.585
	Vốn IDA	44.958.182	20.554.865	24.403.317
	Vốn IBRD	5.125.096	3.077.828	2.047.268
2	Vốn đối ứng	5.220.811	3.207.554	2.013.257
	Tổng	55.304.089	26.840.246	28.463.843

Tổng kinh phí vốn dư còn lại so với Hiệp định đã ký kết và Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải”, vốn vay Ngân hàng Thế giới, là 28,463 triệu USD, cụ thể:

- Vốn IDA (vay lại 30%, cấp phát 70%): 24,403 triệuUSD
- Vốn IBRD (vay lại 100%): 2,047 triệu USD
- Vốn đối ứng: 2,013 triệu USD.

(Nguồn vốn đối ứng còn lại dư 2,013 triệu USD là do qua rà soát theo góp ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính tại các văn bản nêu trên, tiết giảm không thực hiện đầu tư một số gói thầu thuộc hạng mục 4 của dự án).

Kinh phí vốn ODA dư có tăng lên so với số dư dự kiến đã báo cáo trước đây (19,5 triệu USD, gồm 17,735 triệu IDA, 1,836 triệu IBRD) là do tiết kiệm trong tổ chức đấu thầu, giảm chi phí dự phòng, đồng thời giảm nguồn vốn ODA không chi trả Thuế giá trị gia tăng VAT mà chuyển sang sử dụng từ vốn đối ứng để chi trả theo Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ.

9. Mục tiêu điều chỉnh chủ trương đầu tư

Dự án: Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dự án tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 và UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư tại các Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 và số 979/QĐ-UBND ngày 27/3/2018. Dự án có tổng mức đầu tư là 55.304.089 USD, trong đó: Vốn nước ngoài (ODA) là 50.083.278 USD; vốn đối ứng là 5.220.811 USD.

Trong quá trình triển khai thực hiện đã tiết kiệm chi qua công tác đấu thầu, ký kết hợp đồng, sử dụng nguồn vốn dự phòng chi..., theo đó dự kiến nguồn vốn dư của dự án còn lại khoảng 28,463 triệu USD. Vừa qua, UBND tỉnh đã làm việc với Ngân hàng Thế giới để xin bổ sung một số hạng mục đầu tư cho dự án, sử dụng từ nguồn vốn dư này. Trên cơ sở đề nghị của UBND tỉnh, Bà Carolyn Turk - Giám đốc quốc gia tại Việt Nam - Khu vực Đông Á và Thái Bình Dương của Ngân hàng Thế giới đã có thư gửi UBND tỉnh ngày 15/01/2021 về việc thống nhất về mặt kỹ thuật đối với các hạng mục xây dựng bổ sung, sử dụng từ nguồn vốn kết dư của Dự án: Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn.

Việc đầu tư từ nguồn vốn dư nhằm thực hiện các mục tiêu sau:

- Hoàn thiện hạ tầng cho khu vực 2, phường Ghềnh Ráng (Quy Hòa) gồm: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa cấp 1, cấp 2 và hệ thống thoát nước thải hoàn chỉnh theo quy hoạch; xây dựng các tuyến đường giao thông ĐS1 và ĐS2 nhằm kết nối khu dân cư tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng với đường Quốc lộ 1D và trung tâm thành phố Quy Nhơn, tạo điều kiện phục vụ cho việc phát triển các khu dân cư trong khu vực, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Tập trung giải quyết các khu vực còn lại thường xuyên bị ngập lụt ở khu vực trung tâm thành phố và vùng phụ cận chưa được đầu tư. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống các tuyến cống cấp 1, 2 thuộc khu vực nội ngoại thành theo báo cáo tiền khả thi đã nghiên cứu và phê duyệt.

- Giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường bằng hệ thống thu gom nước thải gồm cả cống cấp 3, trạm bơm nước thải, tuyến ống áp lực và các hố thu nước mưa.

10. Quy mô đầu tư bổ sung: Gồm các hợp phần 1 và hợp phần 2

a) Hợp phần 1: Mở rộng hạ tầng vệ sinh

- Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng (Quy Hòa) thành phố Quy Nhơn:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước mưa bao gồm xây dựng các tuyến cống hộp và cống tròn thoát nước mưa;

+ Xây dựng hệ thống thoát nước thải gồm xây dựng các tuyến cống thu gom nước thải sinh hoạt về trạm xử lý và các trạm bơm nước thải, tuyến cống áp lực và trạm xử lý nước thải.

- Khu vực trung tâm thành phố Quy Nhơn:

+ Chỉnh trang, nạo vét tuyến mương thoát nước hiện trạng đường Nguyễn Đình Hoàng, phường Nhơn Bình;

+ Cải tạo, nạo vét các công trình hiện trạng nhằm giảm tình trạng ngập nước tại khu vực giao giữa đường Hùng Vương – Võ Thị Sáu, gồm: (i) Tuyến mương hở hiện trạng từ ngã ba Hùng Vương – Võ Thị Sáu đến đường Điện Biên Phủ; (ii) Tuyến mương hở dọc tuyến đường Hùng Vương nằm dưới chân taluy tuyến đường sắt; (iii) Cải tạo cống thoát nước tại đường Nguyễn Trọng Trì.

+ Chỉnh trang công viên hiện trạng khu vực eo sân bay (cũ) và xây dựng 4 nhà vệ sinh công cộng;

+ Đoạn đường vào nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình;

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, trạm bơm, tuyến ống áp lực cho khu dân cư hiện trạng thuộc khu vực 1 phường Nhơn Bình (từ ngã ba Ông Thọ về đường Điện Biên Phủ) về Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình.

+ Xây dựng trạm bơm và tuyến ống áp lực để thu gom nước thải cho khu vực phía Bắc Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình (nhằm mục đích đón nhận nước thải của các khu đô thị hiện trạng và trong tương lai).

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, trạm bơm, tuyến ống áp lực về

Nhà máy xử lý nước thải 2A cho khu vực phường Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân.

b) Hợp phần 2: Cải thiện kết nối đô thị

Xây dựng 1,8km tuyến đường theo quy hoạch tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, bao gồm:

- Tuyến đường ĐS1 có chiều rộng B=23m, chiều dài L=1,2km.
- Tuyến đường ĐS2 có chiều rộng B=24m, chiều dài L=0,6km.

c) Chi phí cho các hạng mục bổ sung

Số vốn cần thiết để thực hiện các hạng mục bổ sung nêu trên (sử dụng vốn kết dư) là **28.254.392 USD** (tương đương 655,332 tỷ đồng), trong đó:

- Vốn ODA: 25.304.471 USD bao gồm:
 - + Vốn vay IDA: 23.468.375 USD
 - + Vốn vay IBRD: 1.836.096 USD
- Vốn đối ứng: 2.949.921 USD

Chi tiết cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

T T	Hạng mục công việc	Giá trị thực hiện			Tổng cộng	
		Phần vốn vay WB		Vốn đối ứng	1.000 VND	Quy đổi USD
		IDA	IBRD			
1	2	3	4	5	6=3+4+5	7
1	Chi phí xây dựng, thiết bị	480.414.499	38.714.912		519.129.411	22.382.056
a	Hợp phần 1: Mở rộng hạ tầng vệ sinh	480.414.499			480.414.499	20.712.878
b	Hợp phần 2: Cải thiện kết nối đô thị		38.714.912		38.714.912	1.669.178
2	Chi phí quản lý dự án			6.263.700	6.263.700	270.057
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	15.869.534	0	967.758	16.837.292	725.933
a	Chi phí lập FS điều chỉnh, RAP, ESIA, lập TKCT, HSMT và Giám sát thi công (vốn ODA)	15.869.534			15.869.534	684.209
b	Chi phí tư vấn			967.758	967.758	41.725

T T	Hạng mục công việc	Giá trị thực hiện			Tổng cộng	
		Phân vốn vay WB		Vốn đối ứng	1.000 VND	Quy đổi USD
		IDA	IBRD			
	<i>vốn đối ứng</i>					
4	Chi phí khác			2.497.826	2.497.826	107.693
5	VAT (10%)			53.499.894	53.499.894	2.306.626
a	<i>Chi phí xây dựng</i>			51.912.941	51.912.941	2.238.206
b	<i>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</i>			1.586.953	1.586.953	68.421
6	Dự phòng	48.041.450	3.871.491	5.191.294	57.104.235	2.462.026
	Tổng cộng	544.325.483	42.586.403	68.420.473	655.332.359	28.254.392

Việc đề xuất sử dụng vốn dự nêu trên của dự án chỉ phục vụ cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên theo quy định tại Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 29/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

11. Thời gian thực hiện dự án: 05 năm, từ tháng 01/2018 - 31/12/2022.

Tiến độ triển khai các hạng mục bổ sung:

- Hợp phần 1: Mở rộng hạ tầng vệ sinh
 - + Chuẩn bị đầu tư: 2021.
 - + Thực hiện dự án: 2021-2022.
- Hợp phần 2: Cải thiện kết nối đô thị
 - + Chuẩn bị đầu tư: 2021.
 - + Thực hiện dự án: 2021-2022.

12. Tổng mức đầu tư dự án sau điều chỉnh, bổ sung: 55.094.638 USD (không vượt tổng mức đầu tư được duyệt là 55.304.089 USD). Trong đó:

- Vốn ODA: 48.937.163 USD, bao gồm:
 - + Vốn vay IDA: 44.023.239 USD
 - + Vốn vay IBRD: 4.913.924 USD
- Vốn đối ứng: 6.157.475 USD

Chi tiết cụ thể như sau:

Đơn vị tính: USD

TT	Nội dung	Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư	Kết quả đã thực hiện	Vốn dự	Đề xuất sử dụng vốn dự	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh, bổ sung
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=4-5</i>	<i>7</i>	<i>8=5+7</i>
1	Hợp phần 1: Mở rộng hạ tầng vệ sinh	IDA	34.059.228	18.906.271	15.152.957	21.397.087	40.303.358
2	Hợp phần 2: Cải thiện kết	IBRD	3.456.160	2.362.573	1.093.587	1.669.178	4.031.751

TT	Nội dung	Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư	Kết quả đã thực hiện	Vốn dư	Đề xuất sử dụng vốn dư	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh, bổ sung
1	2	3	4	5	6=4-5	7	8=5+7
	nội đô thị						
3	Hợp phần 3: Bồi thường và giải phóng mặt bằng	Đối ứng	564.399	541.175	23.224	0	541.175
4	Hợp phần 4: Hỗ trợ thực hiện và cải cách thể chế dịch vụ công ích	Đối ứng	3.480.553	975.655	2.504.898	419.474	1.395.129
5	Chi phí dự phòng (khối lượng và trượt giá)	IDA	6.811.847	1.210.693	5.601.154	2.071.288	3.281.981
		IBRD	691.232	0	691.232	166.918	166.918
		Đối ứng	752.550	0	752.550	0	0
6	Thuế VAT (10%)	IDA	4.087.107	437.901	3.649.206	0	437.901
		IBRD	414.739	152.290	262.449	0	152.290
		Đối ứng	423.309	1.690.723	-1.267.414	2.530.447	4.221.170
7	Chi phí lãi vay và phí vay	IBRD	562.965	562.965	0	0	562.965
	Tổng cộng		55.304.089	26.840.246	28.463.843	28.254.392	55.094.638

Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh, bổ sung phân chia cụ thể theo từng nguồn vốn như sau:

Đơn vị tính: USD

TT	Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư	Kết quả đã thực hiện	Vốn dư	Đề xuất sử dụng vốn dư	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh, bổ sung	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4	6	7=4+6	8=7-3
1	Vốn ODA	50.083.278	23.632.693	26.450.585	25.304.470	48.937.163	-
2	Vốn IDA	44.958.182	20.554.865	24.403.317	23.468.375	44.023.239	-934.943
3	Vốn IBRD	5.125.096	3.077.828	2.047.268	1.836.096	4.913.924	-211.172
4	Vốn đối ứng	5.220.811	3.207.554	2.013.257	2.949.921	6.157.475	936.664
	Tổng	55.304.089	26.840.246	28.463.843	28.254.392	55.094.638	

TT	Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư	Kết quả đã thực hiện	Vốn dư	Đề xuất sử dụng vốn dư	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh, bổ sung	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4	6	7=4+6	8=7-3
	cộng						

Theo đó, tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh bổ sung không vượt Hiệp định đã ký ban đầu. Tuy nhiên, về giá trị của từng nguồn vốn thì có sự thay đổi:

- Vốn ODA sau khi điều chỉnh giảm so với Hiệp định đã ký là: 1.146.115 USD (trong đó vốn IDA là 934.643 USD, vốn IBRD là 211.172 USD).

- Vốn đối ứng sau khi điều chỉnh tăng thêm 936.664 USD so với Hiệp định đã ký (do chi trả phần thuế VAT cho các khối lượng xây lắp).

Ghi chú

- Tỷ giá quy đổi của cột “Kết quả đã thực hiện” là tỷ giá tại thời điểm lập dự án: 1USD = 22.325 VND.

- Tỷ giá quy đổi của cột “Đề xuất sử dụng vốn dư” là tỷ giá tại thời điểm lập dự toán sử dụng vốn dư tháng 4/2021: 1USD = 23.194 VND.

11. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Vốn dư ODA của dự án.

12. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

13. Hình thức đầu tư của dự án: Cải tạo, xây dựng mới.

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định đã có Báo cáo thẩm định số 373/BC-SKHĐT ngày 28/5/2021; theo đó hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn do Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh) lập đủ điều kiện để UBND tỉnh Bình Định trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định theo quy định.

Sau khi dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh thực hiện lập thủ tục để báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh các Nghị quyết của HĐND tỉnh (số 23/2016/NQ-HĐND ngày 22/7/2016 và số 26/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020) điều chỉnh mức vốn đối ứng ngân sách địa phương bố trí để thực hiện dự án (bao gồm ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố Quy Nhơn).

III. Ý KIẾN CỦA UBND TỈNH

1. Về điều chỉnh chủ trương đầu tư:

a) Sự cần thiết đầu tư dự án:

- Dự án: Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dự án tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 và UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư tại

các Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 và số 979/QĐ-UBND ngày 27/3/2018. Dự án có tổng mức đầu tư là 55.304.089 USD, trong đó: Vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA): 50.083.278 USD; vốn đối ứng: 5.220.811 USD.

Trong quá trình triển khai thực hiện đã tiết kiệm chi qua công tác đấu thầu, ký kết hợp đồng, sử dụng nguồn vốn dự phòng chi..., theo đó dự kiến nguồn vốn dư của dự án còn lại khoảng 28,463 triệu USD. Đề xuất của việc sử dụng vốn dư để đầu tư hoàn thiện dự án đã được Ngân hàng Thế giới thông nhất về mặt kỹ thuật tại thư gửi UBND tỉnh ngày 15/01/2021.

Các hạng mục đầu tư từ nguồn vốn dư của dự án đã được HĐND tỉnh thông nhất chủ trương tại Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh.

- Sự cần thiết đầu tư và mối liên hệ giữa các hạng mục sử dụng vốn dư với các hạng mục được phê duyệt trong dự án:

Theo Văn bản số 68/TTg-CN ngày 12/1/2006 của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận báo cáo nghiên cứu tiền khả thi “Dự án vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải– Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn”. Nội dung chính của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi là nghiên cứu đầu tư hệ thống thoát nước mưa và thu gom xử lý nước thải cho toàn thành phố Quy Nhơn và khu bán đảo Phương Mai.

Từ năm 2006 đến năm 2014, dự án vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn giai đoạn 1 và 2 đã triển khai thực hiện đầu tư xây dựng một phần công việc trong báo cáo nghiên cứu khả thi gồm các hệ thống thu gom nước thải và thoát nước mưa tập trung giải quyết nhu cầu cấp thiết cho khu vực trung tâm thành phố.

Từ năm 2016 đến nay, dự án môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án môi trường thành phố Quy Nhơn thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng tuyến cống thoát nước mưa nằm trong khu vực trung tâm thành phố còn lại, tăng cường đầu nối thoát nước của các hộ dân vào hệ thống thu gom nước thải, nâng cấp trạm xử lý nước thải Nhơn Bình và kết nối giao thông đô thị để đáp ứng cho kịp sự phát triển đô thị hóa của thành phố Quy Nhơn như hiện nay.

Tuy nhiên, do nguồn vốn có hạn, trong nhiều năm qua dự án giai đoạn 1 và dự án môi trường bền vững chủ yếu chỉ tập trung đầu tư hệ thống thoát nước cho khu vực trung tâm, còn các khu vực khác như phường Nhơn Bình, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân (khu vực ngoại thành) chưa được chú trọng đầu tư. Mặt khác, các khu vực phường Nhơn Bình, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân trong mấy năm qua việc đô thị hóa phát triển mạnh, hiện tượng ngập úng thường xảy ra và đặc biệt các khu đô thị đã được đầu tư hệ thống thu gom nước thải riêng, nhưng lại chưa có hệ thống các trạm bơm và tuyến ống dẫn về nhà máy xử lý. Do vậy, để tăng cường tính bền vững cho dự án, việc sử dụng nguồn vốn dư để đầu tư các hạng mục còn lại trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi nhằm tập trung giải quyết các khu vực còn lại thường xuyên bị ngập lụt và thu gom vận chuyển nước thải về các trạm xử lý mà dự án môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án môi trường thành phố Quy Nhơn chưa được đầu tư là cần thiết, cụ thể bao gồm các hạng mục cần đầu tư như sau:

+ Chỉnh trang, nạo vét tuyến mương thoát nước hiện trạng đường Nguyễn Đình Hoàng thuộc phường Nhơn Bình;

+ Cải tạo, nạo vét các công trình hiện trạng nhằm giảm tình trạng ngập nước tại khu vực giao giữa đường Hùng Vương – Võ Thị Sáu, gồm: (i) Tuyến mương hở hiện trạng từ ngã ba Hùng Vương – Võ Thị Sáu đến đường Điện Biên Phủ; (ii) Cải tạo cống thoát nước tại đường Nguyễn Trọng Trì.

+ Chỉnh trang công viên hiện trạng khu vực eo sân bay (cũ) và xây dựng 4 nhà vệ sinh công cộng;

+ Đầu tư đoạn đường vào Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình;

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, trạm bơm, tuyến ống áp lực cho khu dân cư hiện trạng thuộc KV1 phường Nhơn Bình (từ ngã ba Ông Thọ về đường Điện Biên Phủ) dẫn về Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình.

+ Xây dựng trạm bơm tổng và tuyến ống áp lực để thu gom nước thải cho khu vực phía Bắc Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình (nhằm mục đích đón nhận nước thải của các khu đô thị hiện trạng và tương lai).

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, trạm bơm, tuyến ống áp lực về Nhà máy XLNT 2A cho khu vực phường Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân.

+ Theo Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa, khu vực được quy hoạch là trung tâm về khoa học công nghệ, giáo dục; phát triển sản phẩm du lịch khoa học, giáo dục cho tỉnh Bình Định. Khu vực này được quy hoạch từ nòng cốt là Trung tâm ICISE của Giáo sư Trần Thanh Vân, ICISE là nơi tổ chức các hội nghị, nghiên cứu khoa của các nhà khoa học Thế giới và trong nước.

Tuy nhiên, hiện nay tại khu vực này chưa được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng giao thông, thoát nước và hệ thống thu gom xử lý nước thải. Ngoài một số công trình hạ tầng đã được tỉnh đầu tư trước bằng nguồn vốn ngân sách, để đảm bảo phát triển đồng bộ cho khu vực cũng như cho thành phố Quy Nhơn, việc đầu tư một số con đường để kết nối giao thông, thuận lợi cho việc đi lại kết nối với thành phố, hệ thống thoát nước mưa chống ngập úng và đặc biệt là hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng cho khu vực này là rất cần thiết, góp phần hoàn thiện khu vực này thành một khu đô thị khoa học, công nghệ và du lịch theo đúng mục tiêu đã đề ra. Cụ thể bao gồm các hạng mục cần đầu tư như sau:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước mưa bao gồm xây dựng các tuyến mương, cống hộp và cống tròn thoát nước mưa cho khu vực 2, phường Ghềnh Ráng,

+ Xây dựng hệ thống thoát nước thải gồm xây dựng các tuyến cống thu gom nước thải sinh hoạt về trạm xử lý và các trạm bơm nước thải, tuyến cống áp lực và trạm xử lý nước thải cho khu vực 2, phường Ghềnh Ráng,

+ Xây dựng 1,8km tuyến đường ĐS1 và ĐS2 theo quy hoạch cho khu vực 2, phường Ghềnh Ráng,

b) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định:

Hồ sơ trình thẩm định đảm bảo tuân thủ các quy định Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020

của Chính phủ quy định thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

c) Sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược; kế hoạch và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, lãnh thổ; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực:

Các nội dung đề nghị đầu tư bổ sung hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của dự án và phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quy Nhơn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ; phù hợp theo Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 12 phường nội thành, thành phố Quy Nhơn; phù hợp theo Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa để góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc quy hoạch phát triển hạ tầng đô thị, sự tăng trưởng kinh tế xã hội của thành phố Quy Nhơn trong tương lai.

d) Sự phù hợp với tiêu chí phân loại dự án nhóm A, nhóm B và nhóm C:

Quy mô dự án sau điều chỉnh thuộc nhóm B – Phù hợp với tiêu chí phân loại dự án theo quy định của Luật Đầu tư công.

e) Các nội dung khác:

Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư gồm các nội dung theo quy định tại Điều 31 của Luật Đầu tư công và bổ sung thêm các nội dung tại Phụ lục IIIc của Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ, các nội dung trình bày đầy đủ, hợp lý, đảm bảo yêu cầu.

2. Về nguồn vốn, cân đối vốn và cơ chế tài chính:

a) Về nguồn vốn:

Dự án phù hợp với nguồn vốn đầu tư; đúng mục đích, đối tượng được đầu tư bằng nguồn vốn dự kiến sử dụng; dự án thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng công trình hạ tầng xử lý nước thải được bố trí vốn.

b) Về cân đối vốn:

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét trình Thủ tướng Chính phủ cho phép sử dụng vốn dự án cho các hạng mục đầu tư bổ sung nêu trên với tổng chi phí khoảng 655,3 tỷ đồng (tương đương 28,25 triệu USD).

UBND tỉnh Bình Định cam kết bố trí đủ vốn đối ứng cho dự án để đảm bảo đầu tư hoàn thành dự án (bao gồm phần điều chỉnh tăng thêm 936.664 USD so với Hiệp định đã ký do chi trả phần thuế VAT cho các khối lượng xây lắp).

c) Cơ chế tài chính:

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét trình Thủ tướng Chính phủ cho phép áp dụng cơ chế tài chính như đang áp dụng của dự án, cụ thể:

- Vốn IDA: Tỉnh vay lại 30%, Ngân sách Trung ương cấp phát 70%. Thời gian đáo hạn 25 năm, ân hạn 05 năm;

- Vốn IBRD: Tỉnh vay lại 100%. Thời gian đáo hạn 29 năm, ân hạn 10 năm;
- Vốn đối ứng: Ngân sách địa phương (Ngân sách tỉnh chiếm 60%, Ngân sách thành phố Quy Nhơn chiếm 40%).

III. KẾT LUẬN

Báo cáo điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn đủ điều kiện trình duyệt; đề xuất nguồn vốn và mức vốn đầu tư phù hợp khả năng cân đối nguồn vốn trong thời gian từ năm 2018-2022.

Trên đây là nội dung báo cáo thẩm định nội bộ điều chỉnh chủ trương đầu tư; nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn. UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm xem xét thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chủ trương đầu tư, sử dụng vốn dự và cơ chế tài chính cho dự án./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, XD;;
- Ban QLDA DD&CN;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, KT14.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng